

Bản án số: 99/2024/HS-ST  
Ngày 06-8-2024

**NHÂN DANH**  
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH DƯƠNG**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Hoàng Huy Toàn.

*Thẩm phán:* Bà Trần Thị Thắm.

*Các Hội thẩm nhân dân:* Bà Trần Thị Đẹp;

Ông Nguyễn Minh Sơn;

Ông Trần Bá Luận.

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Nguyễn Hoàng Minh Như - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa:** Ông Huỳnh Trung Hiếu - Kiểm sát viên.

Ngày 06 tháng 8 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 63/2024/TLST-HS ngày 19 tháng 4 năm 2024 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 115/2024/QĐXXST-HS ngày 22 tháng 7 năm 2024 đối với các bị cáo:

1. Trương Tấn N sinh năm 1987 tại tỉnh Phú Yên; nơi cư trú: ấp P, xã H, thị xã Đông Hòa, tỉnh Phú Yên; nghề nghiệp: lao động tự do; trình độ văn hóa (học vấn): 9/12; giới tính: Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Trương T2 và bà Nguyễn Thị L; bị cáo có vợ và 02 người con, con lớn sinh năm 2012 (đã chết), con nhỏ sinh năm 2017; tiền án, tiền sự: không; bị cáo bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 26 tháng 12 năm 2023 cho đến nay;

2. Lương Ngọc T sinh năm 1985 tại tỉnh Phú Yên; nơi cư trú: khu phố P1, phường H, thị xã Đông Hòa, tỉnh Phú Yên; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa (học vấn): 8/12; giới tính: Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Lương Ngọc H (đã chết) và bà Nguyễn Thị C; tiền án, tiền sự: không; nhân thân: ngày 06 tháng 5 năm 2005, bị Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Phú Yên ra Quyết định xử lý hành chính số 763/QĐ-UB(NC) đối với hành vi gây rối trật tự công cộng bằng biện pháp đưa vào cơ sở giáo dục bắt buộc trong thời hạn 24 tháng, kể từ ngày 13 tháng 5 năm 2005 đến ngày 11 tháng 5 năm 2007, chấp hành xong biện pháp giáo dục bắt buộc và trở về địa phương; bị cáo bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 26 tháng 12 năm 2023 cho đến nay.

Các bị cáo có mặt tại phiên tòa.

- *Người bào chữa chỉ định cho bị cáo Trương Tấn N:* Ông Trần Quốc V là Luật sư thuộc Đoàn Luật sư tỉnh Bình Dương (có mặt);

- *Người bào chữa chỉ định cho bị cáo Lương Ngọc T:* Ông Nguyễn Bảo K là Luật sư của Công ty Luật XX thuộc Đoàn Luật sư tỉnh Bình Dương (có mặt);

- *Bị hại:* Ông Trần Văn Đ (đã chết).

*Người đại diện hợp pháp của bị hại:*

1. Bà Thái Thị T1 sinh năm 1958; nơi cư trú: xóm L, xã L1 huyện Thanh Chương, tỉnh Nghệ An (có mặt);

2. Bà Lưu Thị H sinh năm 1984; nơi cư trú: tổ dân phố G, thị trấn S, huyện Cẩm Thủy, tỉnh Thanh Hoá (có đơn xin xét xử vắng mặt);

3. Ông Trần Văn C1 sinh ngày 15/11/2004, nơi cư trú: xóm L, xã L1, huyện Thanh Chương, tỉnh Nghệ An (có mặt).

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:* Bà Lương Thị Th sinh năm 1984; nơi cư trú: X, tổ N, khu phố XX, phường T, thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh (có mặt).

- *Người làm chứng:* Ông Lê Hữu D sinh năm 1982 (có đơn xin xét xử vắng mặt).

## **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Trương Tấn N và Lương Ngọc T có mối quan hệ bạn bè, quen biết nhau ở quê tại thị xã Đông Hòa, tỉnh Phú Yên.

Khoảng 16 giờ 30 phút ngày 29 tháng 3 năm 2009, Trương Tấn N điều khiển xe mô tô, nhãn hiệu Dream (xe mua chưa làm giấy sang tên và N đã bán cho người khác đã lâu nên không nhớ rõ biển số) chở Lương Ngọc T đến nhà trọ không tên, địa chỉ: số 3/23, khu phố N, phường D, thành phố D, tỉnh Bình Dương chơi với các bạn đồng hương gồm: bà Phạm Thị H sinh năm 1989, nơi cư trú: thôn Y, xã H2, huyện T, tỉnh Phú Yên; bà Phạm Thị X sinh năm 1979, nơi cư trú: thôn M1, xã Đ, huyện T, tỉnh Phú Yên; bà Phạm Thị N2 (là em ruột của bà X) và bà Hà Thị Nh1 sinh năm 1988, nơi cư trú: thôn M1, xã Đ, huyện T, tỉnh Phú Yên đang ở trọ tại đây.

Khi N chở T đến đầu khu nhà trọ, T xuống xe đi đến tiệm tạp hóa gần bên để mua thuốc lá, còn N tiếp tục điều khiển xe chạy vào hành lang của khu nhà trọ để đến phòng trọ của bà X thuê ở, do N điều khiển xe chạy nhanh nên khi gặp cháu Trần Văn C1 sinh ngày 15/11/2004, nơi cư trú: thôn xã T1, huyện T, tỉnh Nghệ An là con trai ruột của ông Trần Văn Đ sinh năm 1983, nơi cư trú: xã L1, huyện T, tỉnh Nghệ An, ở trọ tại phòng trọ số 10 băng qua hành lang thì N

phanh gấp làm xe trượt bánh dài khoảng 02m nhưng không đụng trúng đứa bé. Thấy vậy, ông Đ từ trong phòng số 10 đi ra và nói: “Tại sao vào nhà trọ mà chạy nhanh vậy”. Sau đó, ông Đ và N nói lời qua tiếng lại xảy ra mâu thuẫn với nhau, ông Đ dùng tay nắm 02-03 cái vào mặt và đầu của N. Bị đánh, N bỏ chạy ra tiệm tạp hóa chỗ T đang đứng mua thuốc lá, N nói với T “Đ\* má nó đánh tao, mua dao cho tao”. Thấy có dao nằm trên bàn của tiệm tạp hóa, N chụp lấy dao (theo lời khai của N là dao có cán nhựa màu đen, dài khoảng 30cm, lưỡi kim loại màu trắng, bản to 03cm) rồi chạy vào khu nhà trọ. Lúc này, T trả tiền mua thuốc lá và dao cho chủ tiệm tạp hóa và nhặt 02 (hai) viên gạch ống loại bốn lỗ trước tiệm tạp hóa rồi chạy theo sau để hỗ trợ N đánh nhau. Khi N đi đến chỗ vừa bị đánh, ông Đ từ phòng trọ số 10 đi ra chửi và dùng tay đánh N, nhưng N né được. Khi vừa vào khu nhà trọ cách N khoảng 02-03 mét, T nghe tiếng chửi nhau giữa N và ông Đ nên T dùng viên gạch ném trúng vào vùng đầu của ông Đ làm ông Đ té ngã. Lúc này, N dùng dao đâm 01 (một) nhát vào vùng lưng phải của ông Đ làm ông Đ ngã gục tại chỗ. Sau đó, N cầm dao trên tay và dựng xe mô tô điều khiển chở T tẩu thoát khỏi hiện trường, còn ông Đ được người dân xung quanh đưa đi cấp cứu nhưng đã chết trên đường đi đến bệnh viện. Trên đường bỏ trốn, N nói với T đã đâm ông Đ và đưa dao cho T. Thấy dao có dính vết máu nên T đã ném bỏ dao tại khu vực cầu vượt Sóng Thần, rồi cả hai về quê trốn. Đến ngày 26 tháng 12 năm 2023 các bị cáo Trương Tấn N, Lương Ngọc T ra đầu thú.

Tại Bản kết luận giám định pháp y số 202/2009/KLGD-PC21 ngày 02 tháng 4 năm 2009, Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Bình Dương, kết luận nguyên nhân dẫn đến tử vong của bị hại Trần Văn Đ như sau:

Vùng lưng: Vết thương sâu thấu vào trong.

Bầm tụ máu dưới da cơ quanh vết thương vùng sau mang tai phải.

Bể xương hộp sọ tương ứng vết thương sau mang tai phải.

Bán cầu đại não phải xuất huyết nhẹ.

Gan: Thủng thấu từ mặt sau ra mặt trước.

Nguyên nhân dẫn đến tử vong: do tác động ngoại lực vào vùng đầu gây nứt xương hộp sọ, xuất huyết nội sọ, tác động của vật sắc nhọn vào vùng lưng gây thủng gan, chảy mất máu không hồi phục.

Tại Công văn số 73/PC09 ngày 13 tháng 3 năm 2024, Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Bình Dương về việc xác định cơ chế hình thành vết thương trên người của bị hại Trần Văn Đ như sau:

Vùng đầu: tại vị trí sau tai phải có vết thương rách da hình tam giác, kích thước 03x03x3,5cm, tụ máu dưới da. Vết thương được hình thành bởi tác động tương hỗ giữa cơ thể và vật tày cứng theo cơ chế va đập gây tổn thương trực tiếp tại vị trí tác động.

Vùng lưng: tại vị trí cách hố nách phải 12cm, cách cột sống là 07cm, có vết thương hình bầu dục kích thước 07x2,5cm, sắc nhọn, thấu vào khoang màng

phôi phải, thủng xuyên gan kích thước 03x0,2x13cm, thủng cơ hoành bên phải kích thước 03x0,2cm, đứt 1/3 xương sườn số 8 bên trái, chảy máu trong ổ bụng. Vết thương được hình thành do vật sắc nhọn đâm vào cơ thể.

Tại Cáo trạng số 83/CT-VKSBD.P2 ngày 15 tháng 4 năm 2024, Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Dương đã truy tố bị cáo Trương Tấn N và Lương Ngọc T về tội “Giết người” theo quy định tại điểm n khoản 1 Điều 123 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Tại phiên tòa, qua phần tranh luận đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Dương vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố các bị cáo như nội dung cáo trạng, áp dụng điểm n khoản 1 Điều 123, các điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự đề nghị xử phạt: bị cáo Trương Tấn N mức hình phạt từ 13 (mười ba) đến 14 (mười bốn) năm tù; bị cáo Lương Ngọc T mức hình phạt từ 12 (mười hai) đến 13 (mười ba) năm tù, đề nghị xử lý vật chứng, trách nhiệm bồi thường dân sự theo quy định.

Người bào chữa cho bị cáo Trương Tấn N trình bày: thống nhất tội danh mà Viện kiểm sát đã truy tố đối với bị cáo; trình bày nguyên nhân, điều kiện dẫn đến việc phạm tội của bị cáo, bị hại có phần lỗi đánh bị cáo trước, bị cáo không có động cơ phạm tội từ trước, nhất thời phạm tội, sau phạm tội đã ra đầu thú, thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét quyết định mức hình phạt thấp nhất có thể cho bị cáo.

Người bào chữa cho bị cáo Lương Ngọc T trình bày: thống nhất tội danh mà Viện kiểm sát đã truy tố đối với bị cáo, bị cáo sau phạm tội đã ra đầu thú, thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, bị cáo đã tác động gia đình bồi thường một phần hậu quả cho gia đình bị hại. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét quyết định mức hình phạt thấp hơn mức hình phạt mà Viện kiểm sát đã đề nghị cho bị cáo.

Tại phiên tòa, các bị cáo thừa nhận hành vi phạm tội như cáo trạng đã nêu và thống nhất quan điểm của người bào chữa, không có ý kiến tranh luận bổ sung, đồng ý bồi thường số tiền mai táng, tiền tổn thất tinh thần theo yêu cầu của đại diện hợp pháp của bị hại.

Trong quá trình điều tra, đại diện hợp pháp cho bị hại yêu cầu các bị cáo liên đới bồi thường bao gồm: 370.000.000 (ba trăm bảy mươi triệu đồng) tiền mai táng, tiền tổn thất về tinh thần, tiền cấp dưỡng cho bà Thái Thị T1, 16.000.000 (mười sáu triệu đồng) tiền mua quan tài, tiền thuê xe chở thi thể bị hại từ Bình Dương về Nghệ An, tiền cấp dưỡng cho cháu C1 từ tháng 3 năm 2009 đến khi C1 đủ 18 tuổi 78.000.000 (bảy mươi tám triệu đồng). Tại phiên tòa, đại diện gia đình bị hại yêu cầu các bị cáo phải bồi thường tiền mai táng phí, tổn thất về tinh thần, tiền cấp dưỡng cho C1 tổng cộng 200.000.000 (hai trăm triệu đồng).

Bà Lương Thị Th là chị ruột của bị cáo T đồng ý nộp tiền bồi thường cho gia đình bị hại thay cho bị cáo và tự nguyện không yêu cầu bị cáo hoàn trả lại tiền.

Các bị cáo nói lời sau cùng: các bị cáo mong Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo để bị cáo sớm trở về chăm sóc gia đình.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra - Công an tỉnh Bình Dương, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Dương, hành vi của Điều tra viên, Kiểm sát viên thực hiện việc điều tra, truy tố đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, người bào chữa cho bị cáo, bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không có ý kiến, khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

Tuy nhiên, trước khi khởi tố vụ án, khởi tố bị can, các cán bộ điều tra, Điều tra viên thuộc Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện (nay là thành phố) D đã để thất lạc các vật chứng thu giữ trong vụ án nên không có cơ sở để xử lý trong vụ án. Đối với các cán bộ điều tra, Điều tra viên thuộc Cơ quan Cảnh sát điều tra tỉnh Bình Dương tiếp nhận hồ sơ vụ án từ Công an huyện (nay là thành phố) D, tỉnh Bình Dương để điều tra, xử lý theo thẩm quyền vào tháng năm 2009 đã không báo cáo người có thẩm quyền để chỉ đạo điều tra vụ án, thực hiện các biện pháp tố tụng theo quy định của pháp luật tố tụng hình sự dẫn đến vụ án không được tiến hành điều tra xử lý kịp thời đúng thời hạn. Vụ án vẫn còn thời hiệu truy cứu trách nhiệm hình sự đối với các đối tượng. Đến tháng 10 năm 2023 vụ án mới được khởi tố, điều tra theo quy định. Việc sai sót trên của các cá nhân đề vụ án không được khởi tố, điều tra xử lý đúng thời hạn, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Bình Dương, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện (nay là thành phố) D phải xử lý trách nhiệm của các cán bộ điều tra, Điều tra viên theo quy định.

[2] Việc vắng mặt người đại diện hợp pháp của bị hại bà Lưu Thị H, người làm chứng ông Lê Hữu D không ảnh hưởng đến việc xét xử đối với các bị cáo, Hội đồng xét xử công bố lời khai người vắng mặt tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát đề nghị tiếp tục xét xử, căn cứ Điều 292, 293 của Bộ luật Tố tụng hình sự, Tòa án xét xử vắng mặt những người này.

[3] Tại phiên tòa, các bị cáo khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội, lời khai nhận tội của bị cáo phù hợp với kết luận giám định, lời khai của đại diện hợp pháp của bị hại, người làm chứng cùng các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án, đủ cơ sở kết luận: khoảng 16 giờ 30 phút ngày 29 tháng 3 năm 2009, tại dãy nhà trọ không tên, địa chỉ: số X, khu phố N, phường D (trước đây là xã D), thành phố D (trước đây là huyện D), tỉnh Bình Dương, xuất phát từ mẫu thuẫn giữa Trương Tấn N và ông Trần Văn Đ trong việc điều khiển xe mô tô chạy trong khu vực nhà trọ nên xảy ra đánh nhau, T nhật 02 (hai) viên gạch ông loại bốn lỗ trước cửa tiệm tạp hóa ném trúng phía sau đầu của ông Đ, N dùng dao có

cán nhựa màu đen, dài khoảng 30cm, lõi kim loại màu trắng, đâm 01 (một) nhát vào vùng lưng của ông Đ. Theo Bản kết luận giám định pháp y thì nguyên nhân chết của bị hại là do tác động ngoại lực vào vùng đầu gây nứt xương hộp sọ, xuất huyết nội sọ, tác động của vật sắc nhọn vào vùng lưng gây thủng gan, chảy mất máu không hồi phục. Hành vi của các bị cáo đủ yếu tố cấu thành tội “Giết người” quy định tại điểm n khoản 1 Điều 93 của Bộ luật Hình sự năm 1999 (sửa đổi, bổ sung năm 2009). Căn cứ Nghị quyết 41/2017/QH14 thì tội “Giết người” quy định tại điểm n khoản 1 Điều 123 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) và tội “Giết người” quy định tại điểm n khoản 1 Điều 93 của Bộ luật Hình sự năm 1999 (sửa đổi, bổ sung năm 2009) có mức hình phạt ngang bằng nhau. Do đó, cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Dương truy tố các bị cáo về tội “Giết người” theo điểm n khoản 1 Điều 123 của Bộ luật Hình sự là có căn cứ, đúng người, đúng tội và đúng quy định pháp luật.

[4] Hành vi của các bị cáo là đặc biệt nghiêm trọng, nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm tính mạng, sức khỏe của người khác, gây mất trật tự trị an xã hội tại địa phương. Bị cáo N nhận thức được hành vi dùng hung khí nguy hiểm đâm vào vùng lưng của bị hại là hành vi vi phạm pháp luật nhưng bị cáo vẫn thực hiện với lỗi cố ý trực tiếp thể hiện ý thức xem thường pháp luật và bất chấp hậu quả. Bị cáo T nhận thức được việc dùng gạch ống là hung khí nguy hiểm ném vào vùng đầu là vùng trọng yếu có thể nguy hiểm đến tính mạng người khác nhưng vẫn thực hiện hành vi với lỗi cố ý trực tiếp thể hiện ý thức xem thường pháp luật. Các bị cáo đủ năng lực chịu trách nhiệm trước pháp luật về hành vi của bị cáo đã gây ra, cần áp dụng mức hình phạt tù tương xứng với hành vi phạm tội của các bị cáo, cần cách ly các bị cáo khỏi xã hội một thời gian nhằm răn đe, giáo dục đối với bị cáo cũng như phòng ngừa C1 cho xã hội.

Xét vai trò của từng bị cáo: bị cáo Trương Tấn N là người tạo mâu thuẫn với bị hại, sau đó rủ rê kêu gọi T mua dao, trực tiếp dùng dao đâm người bị hại nên vai trò, tính chất mức độ hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm hơn bị cáo T. Bị cáo T tiếp nhận ý chí từ bị cáo N trả tiền mua dao cho chủ tiệm tạp hóa và nhặt 02 (hai) viên gạch ống hỗ trợ N đánh nhau với bị hại, T dùng gạch ném trúng đầu bị hại chấn thương sọ não nên vai trò của bị cáo cũng rất nguy hiểm.

[5] Tuy nhiên, cần phải xem xét các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự để quyết định hình phạt đối với từng bị cáo cho phù hợp.

Các bị cáo phạm tội không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

Các bị cáo Trương Tấn N và Lương Ngọc T sau khi phạm tội đã ra đầu thú, thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, bị cáo Lương Ngọc T đã tác động gia đình bị cáo tự nguyện bồi thường khắc phục một phần hậu quả cho gia đình nạn nhân. Do đó, Hội đồng xét xử áp dụng tình tiết giảm nhẹ được quy định tại điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự đối với bị cáo Trương Tấn N, áp dụng tình tiết giảm nhẹ được quy định tại điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự đối với bị cáo Lương Ngọc T.

[6] Đề nghị của đại diện Viện kiểm sát về áp dụng tình tiết giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo là có căn cứ, mức hình phạt đề nghị đối với bị cáo N là phù hợp, mức hình phạt đề nghị đối với bị cáo T là không phù hợp.

[7] Quan điểm của người bào chữa cho bị cáo N đề nghị áp dụng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo và đề nghị giảm hình phạt mức thấp nhất cho bị cáo là có cơ sở chấp nhận.

[8] Quan điểm của người bào chữa cho bị cáo T đề nghị áp dụng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo và đề nghị giảm hình phạt thấp hơn đề nghị của Viện kiểm sát cho bị cáo là có căn cứ chấp nhận.

[9] Trách nhiệm dân sự:

Trong quá trình điều tra, đại diện hợp pháp cho bị hại yêu cầu các bị cáo liên đới bồi thường bao gồm: 370.000.000 (ba trăm bảy mươi triệu đồng) tiền mai táng, tiền tổn thất về tinh thần, tiền cấp dưỡng cho bà Thái Thị T1, 16.000.000 (mười sáu triệu đồng) tiền mua quan tài, tiền thuê xe chở thi thể bị hại từ Bình Dương về Nghệ An, tiền cấp dưỡng cho cháu C1 từ tháng 3 năm 2009 đến khi C1 đủ 18 tuổi 78.000.000 (bảy mươi tám triệu đồng). Tại phiên tòa, đại diện gia đình bị hại yêu cầu các bị cáo phải bồi thường tiền mai táng phí, tổn thất về tinh thần, tiền cấp dưỡng cho C1 tổng cộng 200.000.000 (hai trăm triệu đồng), các bị cáo chấp nhận bồi thường theo yêu cầu của đại diện hợp pháp của bị hại, đây là sự tự nguyện nên Hội đồng xét xử ghi nhận, buộc các bị cáo phải bồi thường số tiền trên cho đại diện hợp pháp của bị hại theo yêu cầu.

Bà Lương Thị Th là chị ruột của bị cáo T đồng ý nộp tiền bồi thường cho gia đình bị hại thay cho bị cáo và tự nguyện không yêu cầu bị cáo hoàn trả lại tiền, đây là sự tự nguyện của các bên đương sự nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

[10] Xử lý vật chứng:

Đối với 01 (một) áo thun màu xám, có sọc ô vuông đã qua sử dụng và bị rách phía sau lưng tuy nhiên hiện nay vật chứng bị thất lạc nên không có căn cứ xử lý.

Đối với 01 (một) điện thoại di động hiệu Samsung, màu trắng, gắn sim số 0935.217.706 và 01 (một) điện thoại di động hiệu Nokia 6100, màu vàng, gắn sim số 0169.825.1482, do có đơn không yêu cầu bồi thường của bà Hà Thị Nh1 và bà Phạm Thị X nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

Đối với 02 (hai) viên gạch ống loại bốn lỗ mà Lương Ngọc T dùng để ném vào đầu bị hại Trần Văn Đ; 01 (một) dao mà Trương Tấn N dùng đâm bị hại Trần Văn Đ, N đưa Lương Ngọc T cầm dao ném bỏ tại khu vượt cầu vượt Sóng Thần; 01 (một) xe máy nhãn hiệu Dream mà Trương Tấn N mua lại để sử dụng, sau khi phạm tội, N đã bán chiếc xe trên, không rõ biển số do Cơ quan điều tra không thu giữ được nên không có căn cứ để xử lý là phù hợp.

[11] Tiếp tục tạm giữ số tiền 20.000.000 đồng do bà Lương Thị Th nộp tại Cục Thi hành án dân sự tỉnh Bình Dương Biên lai số 0000166 ngày 23 tháng 7 năm 2024 để đảm bảo việc thi hành án.

[12] Về án phí sơ thẩm: các bị cáo phạm tội và bị kết án nên phải chịu án phí hình sự sơ thẩm. Ngoài ra, bị cáo còn phải thực hiện nghĩa vụ bồi thường và cấp dưỡng nuôi con của bị hại nên phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015 và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

#### 1. Về trách nhiệm hình sự:

Tuyên bố bị cáo Trương Tấn N và Lương Ngọc T phạm tội “Giết người”.

Áp dụng điểm n khoản 1 Điều 123; điểm s khoản 1 khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017),

Xử phạt bị cáo Trương Tấn N 13 (mười ba) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 26 tháng 12 năm 2023.

Áp dụng điểm n khoản 1 Điều 123; điểm b, s khoản 1 khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017),

Xử phạt bị cáo Lương Ngọc T 11 (mười một) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 26 tháng 12 năm 2023.

2. Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng các Điều 584, 585, 589, 591 và Điều 593 của Bộ luật Dân sự,

Buộc các bị cáo Trương Tấn N và Lương Ngọc T có trách nhiệm bồi thường cho đại diện hợp pháp của bị hại (bà Thái Thị T1, bà Lưu Thị H và ông Trần Văn C1) tiền tổn thất tinh thần, tiền chi phí mai táng, tiền cấp dưỡng cho con của bị hại tổng cộng là 200.000.000 đồng mỗi bị cáo phải bồi thường 100.000.000 đồng.

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.



Tiếp tục tạm giữ số tiền 20.000.000 đồng do bà Lương Thị Th nộp tại Cục Thi hành án dân sự tỉnh Bình Dương Biên lai số 0000166 ngày 23 tháng 7 năm 2024.

Về án phí sơ thẩm: các bị cáo Trương Tấn N và Lương Ngọc T mỗi bị cáo phải nộp 200.000 đồng (hai trăm nghìn) tiền án phí hình sự sơ thẩm và 5.000.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm.